

Số: **1573**/TTr-UBND

Triệu Sơn, ngày **19** tháng 7 năm 2017

**TỜ TRÌNH**

**Xin phê duyệt các công trình đầu mối làm nhiệm vụ tưới, tiêu diện tích miễn thu thủy lợi phí năm 2018 do các đơn vị hợp tác xã quản lý, khai thác trên địa bàn huyện Triệu Sơn**

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa.

Thực hiện Nghị định 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và Thông tư số 41/2003/TT-BTC ngày 11/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012;

Căn cứ Quyết định số 4548/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của UBND tỉnh về quy định trách nhiệm và quy trình thực hiện chính sách miễn thủy lợi phí trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số ...../SNN&PTNT-TL ngày ...../7/2017 của Sở Nông nghiệp & PTNT về việc xây dựng kế hoạch diện tích tưới, tiêu miễn thủy lợi phí năm 2018, huyện Triệu Sơn đã triển khai cùng với các xã, tổ chức hợp tác xã kiểm tra, rà soát các công trình đầu mối làm nhiệm vụ tưới, tiêu diện tích miễn thu thủy lợi phí năm 2018 do các đơn vị HTX quản lý năm 2018 xin đề nghị phê duyệt cụ thể sau:

Tổng số các công trình đầu mối tưới, tiêu do các tổ chức HTX quản lý là: 104 công trình.

Các công trình tưới nước, tiêu nước và cấp nước được phân theo 2 vùng:

- Các xã, thị trấn thuộc đồng bằng là 82 công trình tưới cho: 3.588,03 ha.
- Các xã miền núi là 22 công trình tưới cho: 2.041,00ha.

Cụ thể:

1. Các xã, thị trấn thuộc đồng bằng là 82 công trình tưới cho: 3.588,03 ha gồm:

- Hồ: 14 cái
- Đập dâng: 52 cái
- Máy bơm: 16 máy

2. Các xã miền núi là 22 công trình tưới cho: 2.041,00ha gồm:

- Hồ: 22 cái

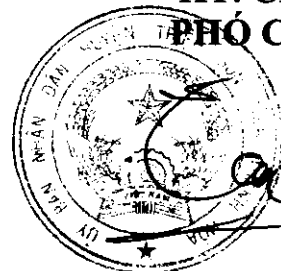
(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

UBND huyện Triệu Sơn đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét trình UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt các công trình đầu mối làm nhiệm vụ tưới, tiêu diện tích miễn thu thủy lợi phí năm 2018 do các đơn vị HTX quản lý với tổng số các công trình đề nghị trên. /

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Xuân Dương**

**TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH TƯỚI, TIÊU DO CÁC HỢP TÁC XÃ QUẢN LÝ**

*Đơn vị: Huyện Triệu Sơn*

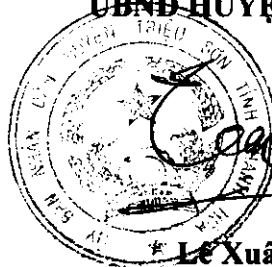
TT	Tên đơn vị	Hồ	Đập ngăn kênh tiêu nội đồng	Trạm bơm	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Trung du Bắc Bộ và Bắc khu IV</b>				
1	Đồng Thăng		4	1	Trạm bơm giã chiến
2	Đồng Tiến		4	1	Trạm bơm giã chiến
3	Thái Hoà		7	1	Trạm bơm giã chiến
4	Vân Sơn	1		4	4 Trạm bơm cố định
5	An Nông		4	1	Trạm bơm giã chiến
6	Thị Trấn		1		
7	Minh Sơn	1		3	3 Trạm bơm cố định
8	Dân Lực		1	1	1 Trạm bơm cố định
9	Dân Quyền		4	1	Trạm bơm giã chiến
10	Xuân Thọ		2	1	Trạm bơm giã chiến
11	Thọ Cường		3		
12	Thọ Ngọc		6		
13	Thọ Tân		2		
14	Thọ Thế		1	1	1 Trạm bơm cố định
15	Thọ Tiến	2	3		
16	Hợp Thăng	1	1		
17	Hợp Thành	2	1		
18	Hợp Lý	4			
19	Hợp Tiến	3			
20	Thọ Dân		8	1	Trạm bơm giã chiến
	<b>Cộng</b>	<b>14</b>	<b>52</b>	<b>16</b>	
<b>II</b>	<b>Miền núi cả nước</b>				
1	Thọ Sơn	3			
2	Thọ Bình	6			
3	Bình Sơn	2			
4	Triệu Thành	11			Hồ Đồng Bê Thủy nông quản lý
	<b>Cộng</b>	<b>22</b>			
	<b>Tổng cộng</b>	<b>36</b>	<b>52</b>	<b>16</b>	

**PHÒNG NÔNG NGHIỆP & PTNT**



**Lê Văn Lâm**

**UBND HUYỆN TRIỆU SƠN**



**Lê Xuân Dương**

## TỔNG HỢP CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐẦU MÓI DO HỢP TÁC XÃ QUẢN LÝ

TT	Đơn vị, Công trình	Địa điểm xây dựng	Năm xây dựng	Quy mô công trình	Nguồn nước	Diện tích tưới thiết kế (ha)	Diện tích tưới, tiêu thực tế (ha)				Kênh dẫn (m)			Ghi chú			
							Vụ Chiêm xuân	Vụ Mùa	Vụ Đông	NT	Mặt cắt ngang	Chiều dài kênh	Đã kiên cố (m)				
						Lúa	Màu	Lúa	Màu	Đông	NT	TS					
1	Hợp tác xã																
1	Hợp tác xã Đông Thăng																
	Công trình tưới bậc 1					30		30									
	Đập Cỏ Bàu	Xóm 8	1979	48.000m <sup>3</sup>	Sông Hoàng	7,5		7,5						0,5x0,5	850		Khi nước đập cạn không tưới được phải dùng máy bơm hỗ trợ
	Đập Cỏ Bàu	Xóm 9	1975	38.000m <sup>3</sup>	Sông Hoàng	7,5		7,5						0,5x0,6	1200		
	Đập Đông Cáo	Xóm 2, 3	1982	2,0km <sup>2</sup>	Kênh tiêu liên xã	7,5		7,5						0,5x0,45	1005		
	Đập Đông Xa	Xóm 1,2	1984	2,5km <sup>2</sup>	Kênh tiêu liên xã	7,5		7,5						0,5x0,45	1020		
	Trạm bơm	Các xóm		250m <sup>3</sup> /h	Các kênh tiêu												
2	Hợp tác xã Đông Tiến					24,3		29,47		25							
	Công trình tưới bậc 1																
	Đập Đầu Rồng	Chúc Chuẩn	1985	3,5km <sup>2</sup>	Ngân nước kênh tiêu Đông Sơn	7		7		7				0,5x0,4	327		Khi nước đập cạn không tưới được phải dùng máy bơm hỗ trợ
	Đập Mau Trên	Chúc Chuẩn 2	1981	2,8km <sup>2</sup>	Ngân nước kênh tiêu Đông Lợi	4		7,7		4,7				0,5x0,6	321		
	Đập Lái Thuyền	Chúc Chuẩn 3	1982	3,2km <sup>2</sup>	Ngân nước kênh tiêu Khuyến Nông	7,3		7,3		7,3				0,5x0,5	256		
	Đập Mau Trên	Chúc Chuẩn 4	1983	2,5km <sup>2</sup>	Ngân nước kênh tiêu Đông Lợi	6		7,47		6				0,5x0,5	375		
	Trạm bơm	Các xóm		250m <sup>3</sup> /h	Các kênh tiêu												
3	Hợp tác xã Thái Hòa					24,27		49,69		47,61							
	Công trình tưới bậc 1																
	Đập Ông Chiểu	Thái Bình	1981	2,4km <sup>2</sup>	Kênh tiêu liên xã	2,5		3,5		3,5				1,5x1,2	1100		Khi nước đập cạn không tưới được phải dùng máy bơm hỗ trợ
	Đập Ông Văn	Thái Bình	1982	2,4km <sup>2</sup>	Kênh tiêu liên xã	2,4		3,4		3,4				2x2	450		
	Đập Nỏ Hèn	Thái Minh	1979	15,7km <sup>2</sup>	Kênh tiêu Nỏ Hèn	5		13,2		13,2				6x3	3000		
	Đập Vịnh Bàu	Thái Yên	1979	6,0km <sup>2</sup>	Tiếp nước từ vực Bưu	5,03		15,78		13,7				2x2	1280		
	Đập Ông Sơn	Thái Phong	1992	6,0km <sup>2</sup>	Tiếp nước từ vực Bưu	3,15		3,12		3,12				1,2x2	1200		
	Đập Đình Thượng	Vực Bưu	1992	2,2km <sup>2</sup>	Kênh tiêu liên xã	3,19		3,19		3,19				1x1,5	1150		
	Đập Mau Ái	Thái Nhân 2	1990	6,0km <sup>2</sup>	Tiếp nước hồ vực Bưu	3		7,5		7,5				1x2	900		
	Trạm bơm	Các xóm		250m <sup>3</sup> /h	Các kênh tiêu												
4	Hợp tác xã Văn Sơn					226,02	8,18	226,02	8,18	131,50							
	Công trình tưới bậc 1																
	Hồ Hương Sơn	Thôn 4	1986	100.000m <sup>3</sup>	Tiếp nước khe Như Thanh	123,46		123,46		70,45				0,8x1,2	2229		
	Trạm bơm Cầu Gỗ	Thôn 2	1984	1000m <sup>3</sup> /h		38,56		38,56		15,18				1,2x0,8	2030		



Đập Sông Trạng	Thôn 7	1988	10,5km <sup>2</sup>	Kênh tiêu Sao Vàng	40	13,5	10,5	8,5	1,2x1	1500	
Đập Cồn Nổi	Thôn 8	1991	6,5km <sup>2</sup>	Kênh tiêu Thọ Sơn		14	12	9	1x0,8	900	
Đập Văn Chi	Thôn 9	1985	5,0km <sup>2</sup>	Kênh tiêu Thọ Ngọc		7,5	7,5	7,5	1x0,8	700	
12 Hợp tác xã Thọ Ngọc						57	57				
Công trình tưới bậc 1											
Đập Đền Trạc	Thôn 1 + 2	1985	12,1km <sup>2</sup>	Kênh tiêu Thọ Cường		12,2	12,2		0,7x0,6	720	
Đập Đền Cùn	Thôn 2	1984	13,2km <sup>2</sup>	Kênh tiêu Thọ Cường		20,2	20,2		0,8x1	510	
Đập Cống Đá	Thôn 1	1992	11,5km <sup>2</sup>	Kênh tiêu Dọc Chuối Thọ Cường		10,7	10,7		0,8x0,9	650	
Đập Cồn Xú	Thôn 1+2	1995	10,8km <sup>2</sup>	Kênh tiêu Xuân Sơn		9	9		0,7*0,6	250	
Đập Đồng Hon	Thôn 3	2001	5,3km <sup>2</sup>	Kênh tiêu Đồng Khưa		2,8	2,8		0,4*0,5	310	
Đập Lũng Búng	Thôn 1	1998	9,5km <sup>2</sup>	Kênh tiêu dôi Sao Vàng	25	2,1	2,1		0,8x1	520	
13 Hợp tác xã Thọ Tân						41,5	35,5	10,5			
Công trình tưới bậc 1											
Đập Khu 1	Thôn 2	1973	15,2km <sup>2</sup>	Kênh tiêu Tân-Dân-Thế		30	25	6	3x0,7	2000	
Đập Ai Dầm	Thôn 4	1988	8,6km <sup>2</sup>	Kênh tiêu Hoàng Đồng liên xã		11,5	10,5	4,5	1,4x0,4	250	
14 Hợp tác xã Thọ Thế						30,8	30,8	10			
Công trình tưới bậc 1											
Đập Sen		1965	300000m <sup>3</sup>	Kênh tiêu Tân-Dân-Thế		26,3	26,3	5,5	0,8x1	1300	Khi nước đập cạn không tưới tr.cháu.
Trạm bơm xóm 4			250m <sup>3</sup> /h	Kênh tiêu Tân-Dân-Thế		4,5	4,5	4,5	0,7x0,45	1700	1200
15 Hợp tác xã Thọ Tiến						105	110	69,2			
Công trình tưới bậc 1											
Hồ Đồng Cỏ	Thôn Hòa Xá Thôn Hoàng Cừ-Dân	1975	120.000m <sup>3</sup>	Tiếp nước từ hồ Ngô Công	70	34	34	20	0,35x0,4	2500	1465
Hồ Quảng		2009	80000m <sup>3</sup>	Tiếp nước từ hồ Đồng Đoài	40	18,1	18,1	14,1	0,35x0,4	1800	900
Đập Đồng Đoài	Thôn Lạc Lâu	1987	4,5km <sup>2</sup>	Tiếp nước từ hồ Khe Lũng		41,4	46,4	23,6	0,35x0,4	850	400
Đập Đồng Cáo	Thôn Bái Gia	1995	2,5km <sup>2</sup>	Kênh tiêu Sao Vàng		3,5	3,5	3,5	0,5*0,5	300	
Đập Đồng Suối	Thôn Bái Gia	1991	3,7km <sup>2</sup>	Tiếp nước từ hồ Đồng Cỏ		8	8	8	0,45x0,5	600	
16 Hợp tác xã Hợp Thắng						156,60	156,60	8,38			
Công trình tưới bậc 1											
Hồ Phú Thôn	Làng Phú	Sở mới 2011	400.000m <sup>3</sup>	Tiếp nước từ hồ Đồng Bè	150	101,6	101,6	8,38	1x0,7	1480	480
Đập Ông Lới, Sông Mơi	Trại Dừa	2005	6,5km <sup>2</sup>	Tiếp nước từ Khe Khanh Châu, Như Thanh		55	55		1,2x1	1635	
17 Hợp tác xã Hợp Thành						178,67	178,67	140			
Công trình tưới bậc 1											
Hồ Đồng Ngon	Thôn Lai Thị	2007	600.000m <sup>3</sup>	Tiếp nước của hồ Đồng Bè	250	98,4	98,4	72,43	0,5x0,8	6290	3240
Hồ Hòa Phú	Thôn Diễn Phú	1975	300.000m <sup>3</sup>	Tiếp nước hồ Ao Lốc	150	60,27	60,27	50,57	0,5x0,8	1000	100
Đập Đồng Bến	Thôn Lai Chá	2006	7,5km <sup>2</sup>	Tiếp nước hồ Đồng Ngon		20	20	17	1x1	500	
18 Hợp tác xã Hợp Lý						131	131	52			

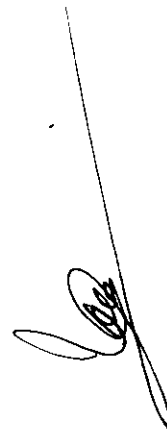


Công trình tưới bậc 1																			
Hồ Ao Lóc	Thôn 8	cấp																	
Hồ Ngọc Vành	Thôn 6	2003	1300000m <sup>3</sup>				120	46,07	12,57	46,07	12,57				0,6x0,65	5815	1750		
		1979	600000m <sup>3</sup>				100	45,67		45,67					0,35x0,3	1040	1040		
		khắc																	
		phục																	
Hồ Bình Định	Thôn 5	2009	240000m <sup>3</sup>					30,23		30,23					0,35x0,4	750	400		
Hồ Đồng Chanh	Thôn 8	1965	250000m <sup>3</sup>					5		5				0,35x0,5	650				
Hồ Đông Tôm	Thôn 7	1971	150000m <sup>3</sup>					10,14		10,14				0,4x0,65	920				
Hồ Ông Hoat	Thôn 7	1975	80000m <sup>3</sup>					5,2		5,2				0,45x0,5	650				
Hồ Nấp Mới	Thôn 4	1978	105000m <sup>3</sup>					8		8				0,4x0,65	310				
Hồ Đông Lăng	Thôn 7	1981	75000m <sup>3</sup>					10		10				0,5x0,7	855				
Hồ Hón Cận	Thôn 5	1980	65000m <sup>3</sup>					6		6				0,35x0,4	422				
Hồ Nông Dân	Thôn 4	1985	75000m <sup>3</sup>					7,96		7,96				0,5x0,6	1000				
Hồ Sùng Sung	Thôn 5	1972	70000m <sup>3</sup>					5,05		5,05				0,35x0,5	730				
<b>Tổng cộng</b>								<b>2.159,21</b>	<b>153,78</b>	<b>2.168,01</b>	<b>153,78</b>	<b>153,78</b>	<b>1.073,57</b>						

**Ghi chú:**

- Công tưới, tiêu là những công đầu mỗi trên sông không thuộc hệ thống công trình hồ, đập, trạm bơm
- Cột (5): Quy mô công trình, đối với Hồ chứa ghi tổng dung tích hồ (m<sup>3</sup>); đập dâng ghi diện tích lưu vực (km<sup>2</sup>); trạm bơm: số máy x Q 1 máy (m<sup>3</sup>/h); công: khẩu diện cống n x (bxt) hoặc nxf (m)
- Cột (6): Đối với Hồ, đập ghi nguồn nước trên sông, suối; trạm bơm tưới, công tưới lấy nước từ sông, suối...; trạm bơm tiêu, công tiêu tiêu ra sông, suối ...
- Công trình tưới bậc 2 lấy nguồn nước của công trình nào
- Cột (12): Ghi rõ công trình tiêu là trạm bơm hay công đối với công trình tưới ở cột (2) tương ứng.
- Đối với những Công trình do Hợp tác xã lấy nước tạo nguồn của các Công ty Khai thác công trình thủy lợi đề nghị Công ty và UBND các huyện đều tổng hợp thành phụ lục riêng.

**PHÒNG NÔNG NGHIỆP & PTNT**

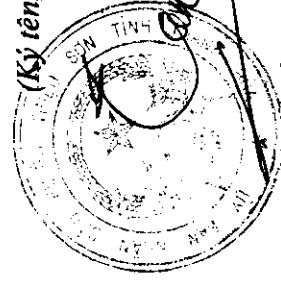


**Lê Xuân Lâm**

Triệu Sơn, ngày .....tháng 7 năm 2017

**UBND HUYỆN TRIỆU SƠN**

(Ký tên, đóng dấu)



**Lê Xuân Dương**